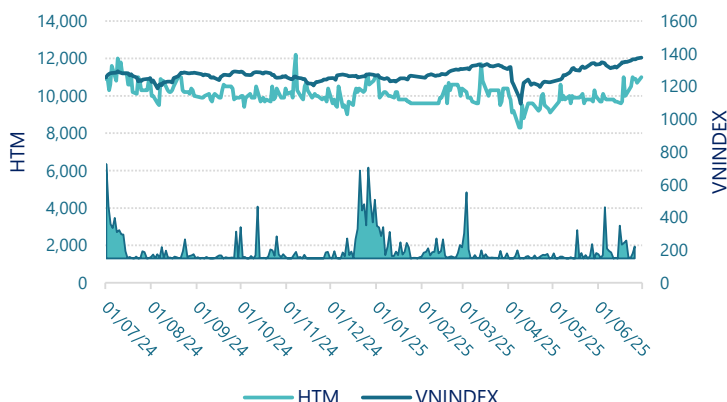




Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP (UPCOM: HTM)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	11,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,300
SL cổ phiếu LH	219,958,600
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,925
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,420
P/E	-101.6
EPS	-108

DT thuần

Q2/25

109

tỷ VNĐ

QoQ: ▼17.0 | -13.5%

YoY: ▲ 10.3 | 10.4%

LN sau thuế

Q2/25

-8.20

tỷ VNĐ

QoQ: ▼11.1 | -379%

YoY: ▼1.73 | -26.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

5.4%

+/- YoY: ▼ 8.0%

DT thuần

6T 2025

235

tỷ VNĐ

YoY: ▼9.00 | -4.0%

LN sau thuế

6T 2025

-5.26

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.11 | 2.0%

ROE

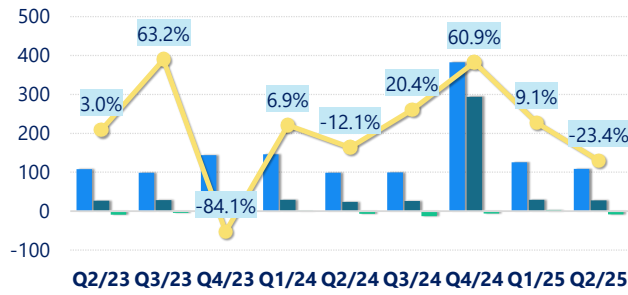
Q2/25

-1.1%

+/- YoY: ▼ 0.5%

tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

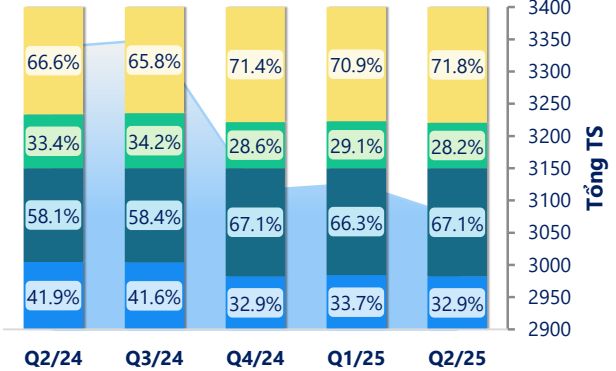


Doanh thu thuần
Lợi nhuận gộp
Lợi nhuận sau thuế
Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



Tổng tài sản
Tài sản ngắn hạn
Tài sản dài hạn
Nợ phải trả
Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

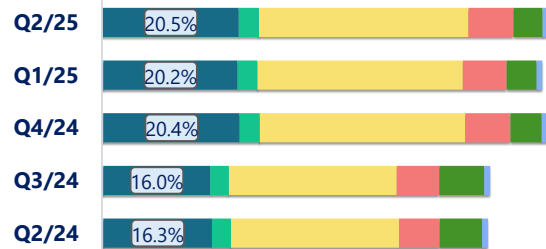
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Tiền và TĐ tiền
Phải thu ngắn hạn
Phải thu dài hạn
TSNH khác

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

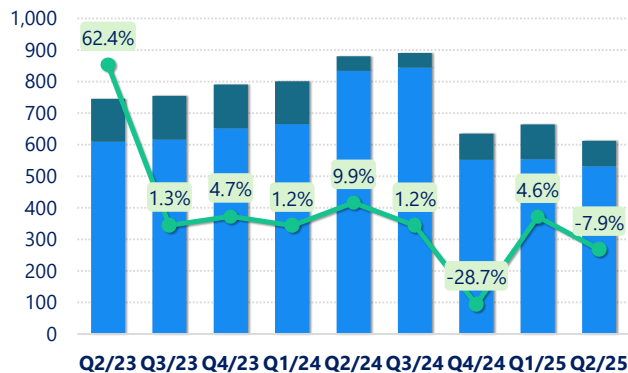


Phải thu dài hạn
Tài sản cố định
Bất động sản đầu tư
Đầu tư tài chính dài hạn
Tài sản dài hạn khác

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay

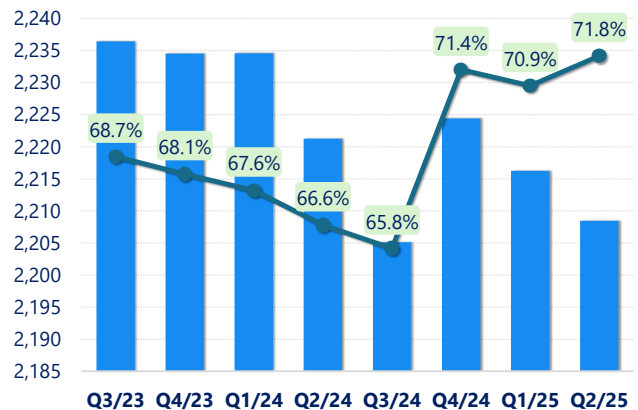


Vay và nợ thuê ngắn hạn
Vay và nợ thuê dài hạn
Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

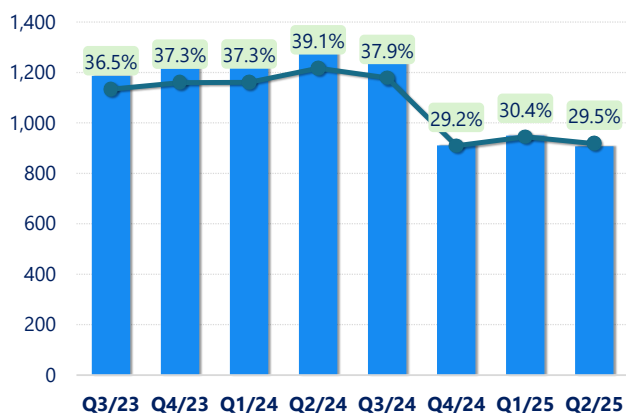


Vốn chủ sở hữu
Tỷ trọng với TTS

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn

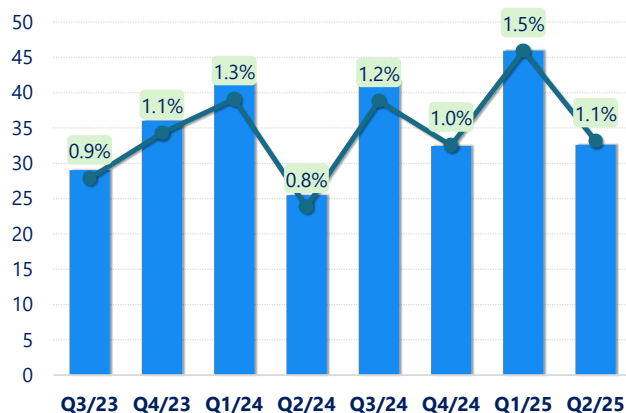


Phải thu ngắn hạn Tỷ trọng với TTS

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho

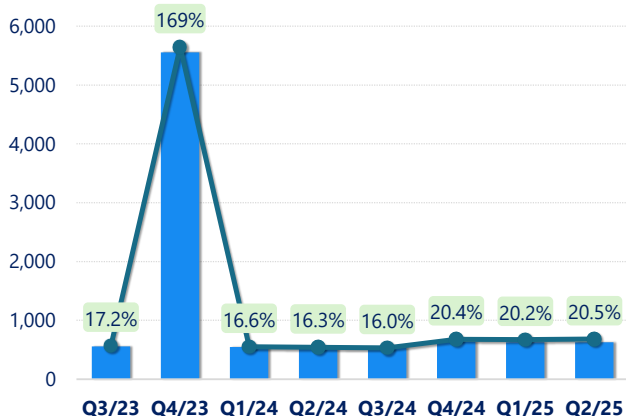


Hàng tồn kho Tỷ trọng với TTS

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản cố định

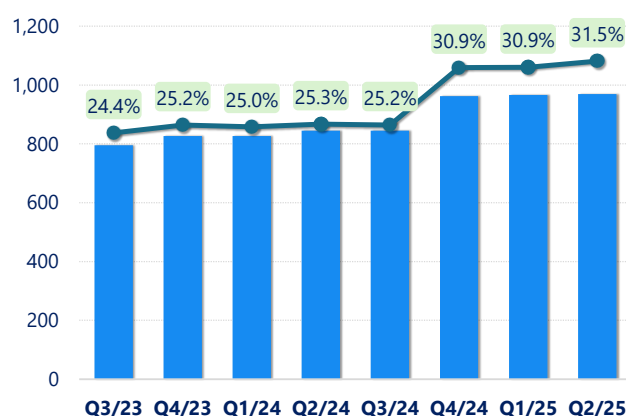


Tài sản cố định Tỷ trọng với TTS

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

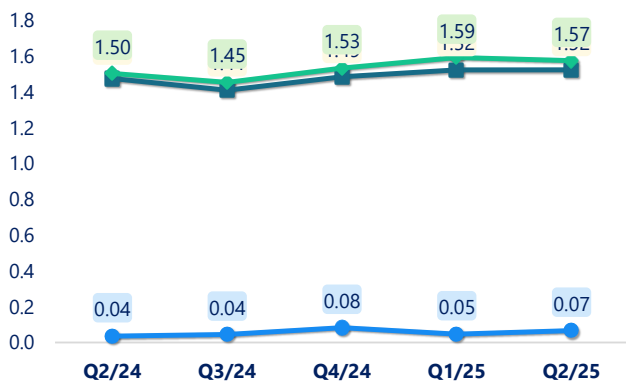
Tài sản dở dang



Tài sản dở dang Tỷ trọng với TTS

(Nguồn: fireant.vn)

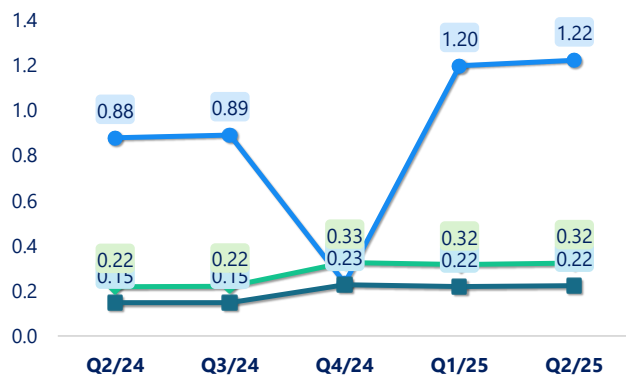
Chỉ số thanh khoản



Tỷ số thanh toán tiền mặt Tỷ số thanh toán nhanh Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



Vòng quay TSCĐ Vòng quay Tổng TS Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	3,337	3,350	3,115	3,126	3,075
Tài sản ngắn hạn	1,399	1,393	1,026	1,055	1,011
Tiền và tương đương tiền	33.1	42.9	55.4	31.0	42.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0.30
Phải thu ngắn hạn	1,306	1,269	911	950	907
Hàng tồn kho	25.5	41.6	32.4	45.9	32.6
Tài sản ngắn hạn khác	34.5	39.4	27.8	27.8	27.9
Tài sản dài hạn	1,939	1,956	2,089	2,071	2,064
Phải thu dài hạn	8.89	8.86	8.73	7.39	3.96
Tài sản cố định	543	536	636	630	629
Bất động sản đầu tư	96.3	95.4	94.5	93.6	92.7
Tài sản dở dang	844	845	963	966	970
Đầu tư tài chính dài hạn	203	215	212	206	209
Tài sản dài hạn khác	213	228	146	141	134
Lợi thế thương mại	30.4	29.2	28.1	27.0	25.9
Nợ phải trả	1,116	1,145	891	910	866
Nợ ngắn hạn	931	958	669	662	642
Vay và nợ thuê ngắn hạn	834	844	551	554	531
Phải trả người bán ngắn hạn	35.4	33.2	4.49	18.3	19.0
Nợ dài hạn	186	186	222	248	224
Vay và nợ thuê dài hạn	45.9	45.9	83.4	110	80.4
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,221	2,205	2,224	2,216	2,208
Vốn chủ sở hữu	2,221	2,205	2,224	2,216	2,208
Vốn điều lệ	2,200	2,200	2,200	2,200	2,200
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)